

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **286** /2019/HS-ST

Ngày: 21/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, T.TH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

2. Bà Trần Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 273/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23/3/1995 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã P, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 và con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH từ ngày 19/02/2019 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

*** Bị hại:** Chị Mông Thị S, sinh ngày 25/9/1995 – Nơi ĐKHK: Xóm P, xã Q, huyện Q, tỉnh CB; hiện trú tại: Tổ X, phường Th, thành phố TH *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Công K, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Tổ Y, phường TĐ, thành phố TH, tỉnh TH

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2019, Nguyễn Văn T đi TAXI tới quán Sao ELy do chị Mông Thị S, sinh năm 1995 – Địa chỉ: Xóm P, xã Q, huyện Q, tỉnh CB làm chủ thuộc tổ X, phường Th, thành phố TH. Tại đây, do quen biết từ trước nên T rủ S đi ăn tại quán Đức Huệ thuộc phường H. Sau đó, T và S đi ngủ tại nhà nghỉ thuộc khu vực phường P, thành phố TH. Đến 09 giờ ngày 17/01/2019, T và S đi TAXI về quán Sao ELy của S. Lúc này trong túi chỉ còn 20.000đ nên T quan sát thấy S có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu sơn xanh, bạc, đen BKS 11U -084.50 dừng trước cửa quán, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe để cầm lấy tiền tiêu sài cá nhân. Để thực hiện ý định, T giả vờ hỏi mượn xe đi ra khu vực trường Đại học Nông Lâm để lấy tiền. Do tin tưởng, nên S đồng ý và lấy chìa khóa xe đưa cho T. Sau khi lấy được xe của S, T đi ra khu vực cổng trường Đại học Nông Lâm TH gọi cho anh T1 (tên thường gọi là T2) nhà ở xã K, huyện Đ, tỉnh TH để cầm xe mô tô trên nhưng do không có giấy tờ xe nên anh T1 không nhận. T tiếp tục điều khiển chiếc xe trên đến nhà Nguyễn Công K, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Tổ Y, phường TĐ, thành phố TH, tỉnh TH để bán lấy tiền. Sau khi thỏa thuận K đồng ý mua chiếc xe mô tô trên giá 8.000.000đ. T đã viết cho K giấy bán xe và hứa sẽ mang giấy tờ ra sau. Số tiền này T đã mua số lô, số đề của K và tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi cho mượn xe và không thấy T mang xe về trả, chị S nhiều lần gọi điện cho T để đòi xe nhưng T không nghe điện thoại và cũng không trả xe cho chị S. Ngày 18/01/2019, chị S đến công an phường Th, thành phố TH trình báo sự việc.

Qua tìm hiểu chị S biết T cầm chiếc xe trên cho Nguyễn Công K, nên ngày 27/01/2019 chị Mông Thị S đã đến gặp K để mua lại chiếc xe trên với giá 9.200.000đ và tự nguyện mang chiếc xe mô tô giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận số 36/HĐĐGTS ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận trị giá chiếc xe mô tô trên là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của T phù hợp với nhau và phù hợp với đơn trình báo, biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại là chị Mông Thị S khai do mối quan hệ với T, ngày 17/01/2019 khi T hỏi mượn xe, S đồng ý và lấy chìa khóa xe đưa cho T. Hôm sau không thấy T đem xe trả, nên chị đã làm đơn trình báo Công an. Sau đó chị được biết xe của mình T đã đem bán cho Nguyễn Công K, nên ngày 27/01/2019 chị đi gặp K mua lại chiếc xe trên với giá 9.200.000đ, và tự nguyện mang chiếc xe trên giao nộp cho Công an để phục vụ quá trình điều tra. Chị đã nhận chiếc xe trên và số tiền 9.200.000đ. Nay chị không có yêu cầu gì khác.

Nguyễn Công K khai mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu sơn xanh, bạc, đen BKS 11U -084.50 của T với giá 8.000.000đ là do tin tưởng xe đó là của T, và T hứa sẽ mang giấy tờ đưa sau. Đến ngày 27/01/2019 K đã bán cho chị S 9.200.000đ. Số tiền trên K đã nộp lại cho cơ quan điều tra. Đến nay K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.000.000đ cho K.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu sơn xanh, bạc, đen BKS 11U -084.50, có số máy JF63E14444536, số khung 630XFZ444489, xe đã qua sử dụng và số tiền 9.200.000đ do Nguyễn Công K giao nộp. Hiện chiếc xe mô tô và số tiền trên đã được trả lại cho là chị Mông Thị S quản lý và sử dụng.

Bản Cáo trạng số 281/CT -VKSTPTN ngày 15 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu sơn xanh, bạc, đen BKS 11U -084.50 đã được trả lại cho bị hại quản lý và sử dụng. Không xem xét xử lý

Phản dân sự: Bị hại đã nhận lại xe và tiền, không có đề nghị gì đối với bị cáo.

Buộc bị cáo trả cho anh Nguyễn Công K số tiền 8.000.000đ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối cải, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: đơn trình báo, biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 9 giờ ngày 17/01/2019 tại khu vực tổ X, phường Th, thành phố TH, Nguyễn Văn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda - AirBlade màu sơn xanh, bạc, đen BKS 11U -084.50 đã qua sử dụng của chị Mông Thị S có trị giá theo kết luận số 36/HĐĐGTS ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố TH là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Sau khi chiếm đoạt, T đem bán cho Nguyễn Công K 8.000.000đ. Ngày 27/01/2019, chị S đã đến gặp K mua lại chiếc xe trên với giá 9.200.000đ. Hiện tài sản là chiếc xe mô tô và số tiền 9.200.000đ đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là chị Mông Thị S quản lý và sử dụng. Chị S không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, hiện không có nghề nghiệp ổn định. Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa xác định bị cáo là người lao động không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu sơn xanh, bạc, đen BKS 11U -084.50 đã được trả lại cho bị hại quản lý và sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Mông Thị S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 8.000.000đ, anh Nguyễn Công K yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bị cáo thừa nhận có bán chiếc xe trên cho K với giá 8.000.000đ và đã nhận tiền của K tiêu sài cá nhân. Nay bị cáo nhất trí bồi thường cho anh K. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyễn Văn T còn khai nhận vào cuối tháng 01/2019, có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (xe mô tô) của một người phụ nữ tên là H, sinh năm 2001 tại tỉnh Bắc Kạn vào khoảng cuối tháng 01/2019 và 01 xe mô tô có BKS 20B1 - 215.80 của một người phụ nữ tên là N. Do chưa xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể của những người này nên cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Cũng vào cuối tháng 01/2019, T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (xe mô tô) của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 – trú tại: Xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh TH. T mang đi cầm được 7.000.000đ. Hiện Công an huyện Đ đã tiếp nhận tin báo và đang điều tra xử lý.

Đối với Nguyễn Công K là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda - AirBlade màu sơn xanh, bạc, đen BKS 11U -084.50 với số tiền 8.000.000đ. Theo T khai, T dùng số tiền này để tiêu sài cá nhân và mua số lô, số đề của K. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra K không thừa nhận việc T có đánh bạc với K. Còn chiếc xe mô tô trên khi mua K không biết là do T phạm tội mà có. Đối với số tiền K bán xe cho chị S 9.200.000đ trong đó có 1.200.000đ là tiền lãi, quá trình điều tra xác

định hành vi trên của K không có dấu hiệu của tội "*Cho vay nặng lãi*". Vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 24(*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 357, 584, 585, 586 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Công K trú tại tổ Y, phường Th, thành phố TH số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADSTPTH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

